TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số:03/2019/DS-ST
Ngày: 25/4/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC – TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chấn và bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 203/2018/TLST-DS ngày 24/12/2018 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 15/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-DS ngày 04/4/2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Phạm Đ, sinh năm 1975 và bà Lê Thị N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 4A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Ông Phạm Đ, bà Lê Thị N đều vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị H. Địa chỉ: Số 45, L, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Theo giấy ủy quyền ngày 16 tháng 4 năm 2018). (Có mặt).

2/ Bị đơn: Ông Phạm Thế D, sinh năm 1985 và bà Võ Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng

ông Phạm Đ và bà Lê Thị N cho vợ chồng ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T vay tổng số tiền là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng), cụ thể vào thời gian như sau:

Ngày 02/9/2016 (Âm lịch), là ngày 02/10/2016 (Dương lịch), ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T vay của ông Phạm Đ và bà Lê Thị N số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận ghi trên giấy mượn tiền là 2,5%/ 01 tháng. Hẹn đến ngày 02/10/2016 (Âm lịch), là ngày 01/11/2016 (Dương lịch) sẽ trả đầy đủ số tiền nói trên. Tuy nhiên, đến hẹn trả nợ là ngày 01/11/2016, ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T vẫn không trả cho ông Phạm Đ và bà Lê Thị N bất cứ khoản tiền nào như đã thoả thuận.

Đến ngày 22/01/2017 (Âm lịch) là ngày 18/02/2017 (Dương lịch), ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T tiếp tục vay của ông Phạm Đ và bà Lê Thị N số tiền là 60.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận ghi trên giấy mượn tiền là 2,5%/ 01 tháng.

Đến ngày 09/02/2017 (Âm lịch) là ngày 06/3/2017 (Dương lịch), ông Phạm Đ và bà Lê Thị N tiếp tục cho ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T vay số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận ghi trên giấy mượn tiền là 2,5%/ 01 tháng.

Ngày 12/9/2017 (Dương lịch) ông Phạm Đ và bà Lê Thị N tiếp tục cho ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận ghi trên giấy mượn tiền là 2,5%/ 01 tháng.

Ngày 05/10/2017 (Âm lịch) là ngày 22/11/2017 (Dương lịch), ông Phạm Đ và bà Lê Thị N tiếp tục cho ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T vay thêm số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận ghi trên giấy mượn tiền là 2,5%/01 tháng. Hẹn đến ngày 08/10/2017 (Âm lịch), là ngày 25/11/2017 (Dương lịch) sẽ trả lại cho ông Phạm Đ và bà Lê Thị N số tiền này. Tuy nhiên, đến hẹn trả nợ là ngày 25/11/2017, ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T vẫn không trả cho ông Phạm Đ và bà Lê Thị N bất cứ khoản tiền nào như đã thoả thuận.

Trong các lần vay tiền, ông Phạm Đ và bà Lê Thị N đều lập giấy tờ vay mượn và có chữ ký của ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T. Cho đến nay, ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T nợ của ông Phạm Đ và bà Lê Thị N tổng số tiền là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng).

Việc ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T không chịu thực hiện việc trả nợ cho ông Phạm Đ và bà Lê Thị N của là vi phạm thoả thuận giữa các bên cũng như không đúng với các quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Đ và bà Lê Thị N.

Nên ông Phạm Đ và bà Lê Thị N yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết, buộc ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T thực hiện việc trả nợ cho ông Phạm Đ và bà Lê Thị N số tiền là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) cùng khoản lãi suất của số tiền nói trên theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị H yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết, buộc ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T phải

có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Phạm Đ và bà Lê Thị N số tiền gốc là 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T, triệu tập ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên hòa giải, phiên đối chất, phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn ông Phạm Thế D, bà Võ Thị T vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 470 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đ, bà Lê Thị Thi. Buộc ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Đ và bà Lê Thị N số tiền vay gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Buộc ông Phạm Thế D phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đ và bà Lê Thị N số tiền vay gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi suất phát sinh đối với khoản tiền 190.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Phạm Đ, bà Lê Thị N đề ngày 14/12/2108, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T đều cư trú tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T. Tuy nhiên, ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đ, bà Lê Thị N yêu cầu bị đơn ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) nợ gốc, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã triệu tập ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T đến Toà án lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T đều vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 16/01/2019 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị H đã làm đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết *"Phạm Thế D", "Võ Thị T"* trong các giấy vay tiền dưới mục người viết giấy nhận tiền.

Ngày 22/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 03/2019/QĐ-TCGĐ yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký, chữ viết đối với ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T.

Tại Bản kết luận giám định số 13/PC09, ngày 21/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

"1/ Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thế D trong các tài liệu cần giám định kí từ A1 đến A5 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thế D trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra.

2/ Chữ chữ viết mang tên Võ Thị T dưới mục "Vợ- Người mượn tiền" trong tài liệu cần giám định kí hiệu A4 so với chữ ký, viết đứng tên Võ Thị T trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra".

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Ông Phạm Thế D có vay của ông Phạm Đ, bà Lê Thị N tổng số tiền: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) thể hiện qua các giấy mượn tiền ngày 22/01/2017 (Âm lịch) là ngày 18/02/2017 (Dương lịch); Ngày 12/9/2017 (Dương lịch); Ngày 05/10/2017 (Âm lịch) là ngày 22/11/2017 (Dương lịch) và ngày 09/02/2017 (Dương lịch). Ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T có vay của ông Phạm Đ, bà Lê Thị N số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) thể hiện qua giấy mượn tiền đề ngày 02/9/2016 (Âm lịch) là ngày 02/10/2016 (Dương lịch). Khi vay hai bên có xác lập hợp đồng, chữ ký và chữ viết Phạm Thế D dưới mục người vay tiền do Phạm Thế D và bà Võ Thị T ký và viết ra. Xét thấy các hợp đồng vay được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T

chưa trả được cho ông Phạm Đ và bà Lê Thị N bất kỳ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Theo điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về điều kiện chuyển tiếp: *"Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật này"*. Do đây là hợp đồng vay tài sản, nội dung và hình thức của loại hợp đồng này phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*".

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đ và bà Lê Thị N là có cơ sở pháp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đ và bà Lê Thị N. Buộc ông Phạm Thế D có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N tổng số tiền: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng); Buộc ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N tổng số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Tại thời điểm những lần vay tiền giữa ông Phạm Thế D, bà Võ Thị T và ông Phạm Đ và bà Lê Thị N đều có mặt bà Võ Thị T nhưng bà Võ Thị T không ký vào các giấy vay tiền, chỉ ký vào 01 giấy vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Mục đích ông Phạm Thế D, bà Võ Thị T vay tiền mục đích là để kinh doanh buôn bán bò, chi tiêu trong gia đình. Vì vậy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Võ Thị T phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng ông Phạm Thế D trả nợ cho Phạm Đ, bà Lê Thị N tổng số tiền gốc 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "*1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện các Điều 24, 25 và 26 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; 2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014"*. Căn cứ Điều luật nêu trên và đối chiếu với các hợp đồng vay tài sản (Bút lục số 48; 50; 51; 52) được xác lập giữa ông Phạm Đ, bà Lê Thị N và ông Phạm Thế D chỉ có ông Phạm Thế D ký tên dưới mục người vay tiền trong các giấy mượn tiền trên. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng

minh bà Võ Thị T là người trực tiếp cùng ông Phạm Thế D thực hiện các hợp đồng vay tiền của ông Phạm Đ, bà Lê Thị N và cũng không chứng minh được bà Võ Thị T sử dụng số tiền do ông Phạm Thế D vay của ông Phạm Đ, bà Lê Thị N để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không chứng minh được bà Võ Thị T ủy quyền cho ông Phạm Thế D thực hiện các hợp đồng vay tiền của ông Phạm Đ, bà Lê Thị N. Do đó, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để buộc bà Võ Thị T phải chịu trách nhiệm liên đới cùng ông Phạm Thế D thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N số tiền 160.000.000 đồng là không có căn cứ pháp lý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất phát sinh đối với khoản tiền 190.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tự nguyện xin rút đối với yêu cầu này và không yêu cầu Toà án giải quyết. Căn cứ Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện này và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi suất phát sinh đối với khoản tiền 190.000.000 đồng.

[4] Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đ và bà Lê Thị N được chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 buộc ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N số tiền 5.390.000 đồng *(Năm triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng)* chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

[5] Về án phí: Do Hội đồng xét xử tuyên buộc ông Phạm Thế D có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N tổng số tiền: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng); Buộc ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N tổng số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Vì vậy, căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án; Bị đơn ông Phạm Thế D phải chịu 8.000.0000 đồng (Tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm (theo mức: 160.000.000 đồng x 5% = 8.000.000 đồng).

Ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T phải liên đới chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (theo mức: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.0000 đồng).

Nguyên đơn ông Phạm Đ, bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N số tiền 4.750.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm năm mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án

dân sự huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2017/0009663 ngày 24/12/2018.

Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 203, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 470, Điều 688 của Bộ Luật dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đ và bà Lê Thị N. Buộc ông Phạm Thế D phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N tổng số tiền: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng); Buộc ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N tổng số tiền: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đ và bà Lê Thị N về việc yêu cầu tính lãi suất phát sinh đối với khoản tiền 190.000.000 đồng.

3. Về chi phí giám định: Ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Phạm Đ, bà Lê Thị N số tiền 5.390.000 đồng *(Năm triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng)* chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

4. Về án phí: Ông Phạm Thế D phải chịu 8.000.0000 đồng (Tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm (theo mức: 160.000.000 đồng x 5% = 8.000.000 đồng); Ông Phạm Thế D và bà Võ Thị T phải liên đới chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm

nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (theo mức: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.0000 đồng).

Nguyên đơn ông Phạm Đ, bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 4.750.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm năm mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2017/0009663 ngày 24/12/2018.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Đ, bà Lê Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Thế D, bà Võ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND huyện Krông Pắc ;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc ;
- Các đương sự ;
- Lưu Hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long